

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 về
Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 – 2026 thực hiện Nghị
quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 17417/BTC-NSNN ngày 10/11/2025 của Bộ Tài chính về việc đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 – 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh, Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021, Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, UBND tỉnh Đắk Lắk và UBND tỉnh Phú Yên trước sắp xếp đã kịp thời ban hành các kế hoạch, chương trình hành động để triển khai thực hiện trên địa bàn, cụ thể:

- Đối với tỉnh Đắk Lắk (cũ): UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 11665/KH-UBND ngày 26/11/2021 về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 – 2025 lồng ghép, triển khai các Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025 và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Đối với tỉnh Phú Yên (cũ): UBND tỉnh đã ban hành Chương trình số 06/CTr-UBND ngày 12/8/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Chương trình số 03/CTr-UBND ngày 01/3/2022 về việc thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-CP hàng năm của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh hàng năm của tỉnh, UBND tỉnh đều xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch hành động cụ thể của địa phương, trong đó xác định cụ thể

các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ thời gian hoàn thành; đồng thời, thường xuyên duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra.

Đặc biệt, quán triệt nghiêm túc tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ về phấn đấu tốc độ tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, tạo tiền đề, nền tảng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 – 2030, triển khai thực hiện Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ, tỉnh Đắk Lắk đã khẩn trương ban hành các văn bản đề cụ thể hóa chủ trương của Trung ương và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy của 02 tỉnh trước sắp xếp đã ban hành các Chương trình triển khai thực hiện¹, trong đó đã xác định rõ những nhiệm vụ cần thực hiện trong ngắn hạn và nhiệm vụ thực hiện trong dài hạn để thúc đẩy phát triển KTXH, đảm bảo QPAN của địa phương, gắn khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với phát triển của từng ngành, lĩnh vực. UBND tỉnh đã xây dựng Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; ban hành Kế hoạch² thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai thực hiện; phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí Lãnh đạo UBND tỉnh theo dõi chỉ đạo, đôn đốc đối với các dự án đầu tư tạo nguồn lực tăng thêm cho tăng trưởng; thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị để lãnh đạo, chỉ đạo. Đồng thời, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025 giao cho các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Ngay sau thời điểm nhập tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh đã khẩn trương rà soát lại các chỉ tiêu, động lực tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 về các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong 6 tháng cuối năm 2025 của tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp); ban hành Quyết định số 0881/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 giao chi tiết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trong 6 tháng cuối năm 2025 đến các Sở, ngành, đơn vị để triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, phấn đấu tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2025 đạt từ 8% trở lên, làm tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030. Trên cơ sở Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để bảo đảm tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8,3 - 8,5%, Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính, Thống kê tỉnh và

¹ Chương trình số 47-CTr/TU ngày 06/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên, Chương trình số 62-CTr/TU ngày 15/3/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk.

² Đề án số 1372/ĐA-UBND ngày 14/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk trước sắp xếp; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk trước sắp xếp; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 22/4/2025 của UBND tỉnh Phú Yên trước sắp xếp.

các Sở, ngành, đơn vị xây dựng kịch bản theo từng quý, từng lĩnh vực, xác định cụ thể các động lực tăng trưởng và ban hành Chương trình hành động số 02620/CTr-UBND ngày 18/8/2025 giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp, từng ngành, làm cơ sở theo dõi, định kỳ đánh giá kết quả triển khai thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Thực hiện kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 – 2025 trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát; thể chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện; tổ chức, bộ máy hệ thống chính trị được sắp xếp tinh, gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả; các khâu đột phá chiến lược và các động lực tăng trưởng được thúc đẩy; chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo có bước tiến mới... Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động của đại dịch COVID-19, sự điều chỉnh chính sách thuế, tài chính của các nước lớn; giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào tăng cao, trong khi giá một số nông sản chủ lực của tỉnh chưa đạt như kỳ vọng; thời tiết diễn biến bất thường đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của tỉnh...

Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, sự quan tâm, hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương và các tổ chức, cá nhân, toàn Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng, thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm 2021 – 2025 của tỉnh và đã đạt được những kết quả quan trọng, tương đối toàn diện trên các lĩnh vực.

1. Kết quả thực hiện mục tiêu kép về phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 xảy ra, lan nhanh trên thế giới và trong nước, để thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch, Tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch COVID-19. Tổ chức triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 an toàn, khoa học, hiệu quả cho các đối tượng. Thời điểm dịch bùng phát mạnh và diễn biến phức tạp trên phạm vi rộng, cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã đoàn kết, đồng lòng, quyết tâm trên tinh thần “chống dịch như chống giặc”, tập trung huy động toàn lực bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của Nhân dân; từng bước kiểm soát, khống chế, đẩy lùi dịch bệnh và duy trì, khôi phục, phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, UBND các tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên (trước sắp xếp) đã kịp thời ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh³. Mặc

³ UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Chương trình số 1987/CTr-UBND ngày 15/3/2022 về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

UBND tỉnh Phú Yên (cũ) ban hành Kế hoạch hành động số 121/KH-UBND ngày 20/6/2022 thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, song với sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn tỉnh cùng với sự chủ động, linh hoạt thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch bệnh, tập trung thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án về phát triển kinh tế - xã hội, triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, phục hồi phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, do đó, tình hình dịch COVID-19 đã được kiểm soát trên địa bàn, các hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế phục hồi tốt trong năm 2022, 2023 (năm 2022 tăng 7,97%, năm 2023 tăng 6,08%).

2. Ưu tiên tập trung thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

2.1. Về tăng trưởng kinh tế

Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, nền kinh tế của hai tỉnh duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng. Tốc độ tăng GRDP (theo giá so sánh) giai đoạn 2021-2025 bình quân đạt khoảng 6,24%/năm (trong đó: Đắk Lắk đạt 6,31%/năm; Phú Yên đạt 6,1%/năm), cao hơn mức trung bình chung cả nước. Cả ba khu vực đều có tăng trưởng khá so với giai đoạn trước, trong đó điểm sáng là khu vực công nghiệp với mức tăng bình quân là 10,95%/năm (Đóng góp 1,35 điểm phần trăm vào tốc độ tăng GRDP), khu vực dịch vụ với mức tăng bình quân 6,22% đóng góp 2,68 điểm phần trăm vào tốc độ tăng GRDP). Tổng sản phẩm theo giá hiện hành trong 5 năm đạt khoảng 913.014 tỷ đồng, mức tăng bình quân 11,8%/năm; năm 2025 dự kiến đạt 230.662 tỷ đồng, cao gấp 1,75 lần so với năm 2020. Đời sống người dân ngày càng được cải thiện, GRDP bình quân đầu người tăng cao so với giai đoạn trước.

Cơ cấu GRDP: Với mức tăng trưởng ổn định, tỷ trọng của khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản trong GRDP tăng từ 32,99% năm 2020 lên khoảng 34,52% năm 2025. Khu vực công nghiệp - xây dựng dịch chuyển tích cực, tỷ trọng trong nền kinh tế tăng từ 19,28% năm 2020 lên khoảng 21,76% vào năm 2025. Chịu tác động mạnh của đại dịch COVID-19, tỷ trọng đóng góp của khu vực dịch vụ giảm từ 43% năm 2020 còn khoảng 39,9% vào năm 2025.

2.2. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn trong 5 năm 2021-2025 ước đạt 71.236 tỷ đồng, bình quân tăng 2,1%/năm. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm tăng mạnh so với giai đoạn trước; việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện đã tăng cường tính chủ động của cấp huyện trong việc quyết định dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách hàng năm. Kết quả trên thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương; trong bối cảnh bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 kéo dài, nhưng các đơn vị đã tổ chức thực hiện tốt các quy định về thuế, nhiệm vụ thu NSNN và khai thác có hiệu quả nguồn thu. Tuy nhiên, nguồn thu từ biện pháp tài chính (chủ yếu là thu tiền sử dụng đất) trong

những năm qua còn thấp đã ảnh hưởng đến tổng thu NSNN và ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch đầu tư công của tỉnh.

Tổng chi ngân sách địa phương trong 5 năm 2021-2025 ước thực hiện 162.177 tỷ đồng (bình quân mỗi năm chi NSNN 32.435 tỷ đồng). Kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước chuyển biến tích cực theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa và chi đầu tư phát triển; giảm tỉ trọng chi thường xuyên. Chi ngân sách đã đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động của các cấp, các ngành và cơ quan đơn vị để kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ chi cho công tác phòng chống dịch bệnh và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra; không để xảy ra ách tắc, chậm trễ, lãng phí nguồn kinh phí NSNN thuộc lĩnh vực chi thường xuyên; không để xảy ra tình trạng nợ lương và các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, tỉnh đã thực hiện tốt công tác tham mưu, phân bổ nguồn lực tài chính triển khai thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2021 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột.

2.3. Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp hiệu quả cao gắn với xây dựng nông thôn mới

Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phát triển khá nhanh theo hướng chất lượng cao, bền vững; đóng vai trò “trụ đỡ” duy trì tốc độ tăng trưởng và mở rộng quy mô kinh tế của tỉnh. Tăng trưởng ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 5,24%/năm. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục có những thay đổi tích cực, từ sản xuất dựa trên khai thác tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực xã hội đã bắt đầu hướng đến những “giá trị xanh”. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh của ngành, ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp được chú trọng, năng suất, chất lượng các sản phẩm có lợi thế và thị trường như: cà phê, cao su, sầu riêng, các loại cây công nghiệp giá trị cao, cá ngừ, tôm hùm, tôm thẻ... được nâng lên đáng kể; việc xây dựng thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, phát triển cà phê đặc sản hướng đến mục tiêu “Đắc Lắc là điểm đến của cà phê thế giới” được chú trọng thực hiện.

Trồng trọt là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 70% giá trị sản xuất nông nghiệp, tổng diện tích gieo trồng đứng thứ 3 cả nước sau An Giang và Lâm Đồng với 839,5 ngàn ha⁴. Công tác triển khai hỗ trợ, cấp mã số vùng trồng để nâng cao giá trị cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh được quan tâm thực hiện. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 320 mã số vùng trồng xuất khẩu với tổng diện tích hơn 9.500 ha và 52 cơ sở đóng gói xuất khẩu; có 74 mã số vùng trồng nội địa với tổng diện tích 1.243,57 ha.

Chăn nuôi là lĩnh vực chiếm tỷ trọng đứng thứ hai với khoảng 20% giá trị sản xuất nông nghiệp, bước đầu chuyển dịch theo hướng chăn nuôi công nghiệp, trang trại quy mô lớn, công nghệ cao; tập trung tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng gắn với bảo đảm an toàn sinh học, mở rộng chăn nuôi VietGAP. Hiện

⁴ Trong đó, cây hàng năm 452,5 ngàn ha; cây lâu năm 387 ngàn ha. Cà phê trên 214 ngàn ha, sản lượng trên 559 ngàn tấn/năm; Hồ tiêu 28 ngàn ha, sản lượng trên 88 ngàn tấn/năm. Cây ăn quả trên 76 ngàn ha, đặc biệt sầu riêng khoảng 44,9 ngàn, sản lượng khoảng 443 ngàn tấn/năm; Ngô 82 ngàn ha, sản lượng trên 600 ngàn tấn/năm; Sắn 66 ngàn ha, sản lượng trên 1.580 ngàn tấn/năm. Lúa 170 ngàn ha, sản lượng 1,32 triệu tấn/năm.

nay, trên địa bàn tỉnh có 66 dự án trang trại chăn nuôi (gồm: 54 dự án chăn nuôi lợn; 08 dự án chăn nuôi bò; 03 dự án chăn nuôi gà và 01 dự án chăn nuôi vịt) đã được chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với quy mô tổng diện tích khoảng 4.931,51 ha và tổng vốn đầu tư các dự án khoảng 10.121,41 tỷ đồng. Trong đó có 27/66 dự án đã đi vào hoạt động, 34/66 dự án đang triển khai đầu tư xây dựng, hoàn tất các thủ tục đầu tư theo quy định, 05/66 dự án đã tạm dừng/chấm dứt hoạt động. Tổng đàn vật nuôi tỉnh đạt trên 23,69 triệu con ⁵.

Lĩnh vực thủy sản (*chiếm khoảng 07% giá trị sản xuất nông nghiệp*) từng bước được cơ cấu lại theo hướng tăng tỷ trọng giá trị nuôi trồng, giảm dần tỷ trọng khai thác ven bờ, gắn với chế biến và xuất khẩu. Tính đến nay, diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt trên 9,5 nghìn ha; sản lượng thủy sản ước đạt trên 33 nghìn tấn; sản xuất giống ước đạt trên 1,2 tỷ con. Toàn tỉnh có 2.553 tàu cá, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 74 nghìn tấn. Công tác chống khai thác bất hợp pháp (IUU) được tập trung chỉ đạo, đến nay đã kiểm soát 100% tàu cấp căn, rời cảng tại 4 cảng cá chỉ định, xác nhận chứng nhận nguồn gốc thủy sản đúng quy định; 100% tàu cá 15m trở lên đã lắp đặt thiết bị theo dõi hành trình tàu cá (VMS) theo quy định; cấp giấy phép khai thác thủy sản đạt 99,21% các tàu còn lại đang hướng dẫn thực hiện (còn 20 tàu); xử phạt nghiêm các tàu mất kết nối VMS trên 6 giờ.

Về lâm nghiệp (*chiếm khoảng 03% giá trị sản xuất nông lâm nghiệp*): Công tác quản lý, phát triển và bảo vệ rừng được quan tâm. Toàn tỉnh Đắk Lắk có 1,03 triệu ha đất lâm nghiệp, trong đó: Diện tích có rừng là trên 747 nghìn ha (rừng tự nhiên 537 nghìn ha, rừng trồng 210 nghìn ha); Diện tích đất chưa có rừng trên 286 nghìn ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,32%.

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai rộng khắp, thực chất, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc. Trước sắp xếp, tỉnh Đắk Lắk (cũ) có 81/149 xã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có TP. Buôn Ma Thuột đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Tỉnh Phú Yên (cũ) có 64/82 xã được UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 02 huyện Tây Hòa và huyện Phú Hòa đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Sau sắp xếp, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới) còn lại 88 xã, dự kiến đến hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 26/88 xã đạt 19/19 tiêu chí; có 06 xã đã đạt 18/19 tiêu chí; 01 xã đạt 17/19 tiêu chí; 04 xã đạt 16/19 tiêu chí; còn lại 48 xã đạt dưới 15 tiêu chí.

Hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư nâng cấp và từng bước hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai. Đến nay, toàn tỉnh có tổng số 1.207 công trình thủy lợi, gồm: 675 hồ chứa nước, 286 đập dâng, 244 trạm bơm và 02 hệ thống đê bao, đảm bảo chủ động tưới cho 83,7% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới trên địa bàn tỉnh.

⁵ Trong đó: đàn trâu, bò ước đạt trên 455 nghìn con; đàn lợn trên 1,3 triệu con, đàn gia cầm trên 21,9 triệu con; sản lượng thịt hơi các loại từ đầu năm ước đạt trên 388 nghìn tấn, sản lượng trứng các loại đạt trên 826 triệu quả.

2.4. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; ưu tiên công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ

Trong giai đoạn 2021-2025, tăng trưởng ngành công nghiệp bình quân đạt 10,95%/năm; chỉ số sản xuất công nghiệp hàng năm duy trì tăng trưởng bình quân 11,7%/năm, đạt so với mục tiêu (*Mục tiêu tăng trưởng bình quân 11%/năm*), ở mức khá so với các tỉnh trong khu vực và mức bình quân chung của cả nước. Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng các nhà máy đã nhanh chóng vượt qua khó khăn, ổn định tổ chức sản xuất, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển công nghiệp. Bên cạnh việc nỗ lực duy trì tăng trưởng ổn định của các cơ sở công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp khai khoáng, công nghiệp điện nước đang hoạt động..., một số nhà máy sản xuất điện gió, điện mặt trời, nhà máy sản xuất dệt, may trang phục, nhà máy sản xuất lông mi nhân tạo mới được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của lĩnh vực công nghiệp cho các năm tiếp theo.

Ngành công nghiệp tỉnh chú trọng chuyển dịch cơ cấu sản xuất công nghiệp từ sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, trang thiết bị truyền thống, thô sơ, sử dụng nhiều lao động sang công nghiệp chế biến sâu, trang thiết bị, công nghệ hiện đại, gia tăng cả chất và lượng của sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

Trong giai đoạn, tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh, như:

- Khu vực Đông Đăk Lăk: Đưa vào hoạt động các dự án chế biến sản phẩm hải sản với quy mô công suất trên 40.000 tấn sản phẩm/năm đã tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu phân lớn xuất khẩu sang Mỹ, EU và một số nước ở thị trường châu Á. Đồng thời đưa vào hoạt động 3 nhà máy sản xuất dược phẩm của các công ty Pymepharco, Công ty Thai Nakorn Patana và Công ty Asta, với tổng công suất trên 3 tỷ viên/năm; 01 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử với công suất 1 tỷ sản phẩm/năm. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã khởi công xây dựng Khu liên hợp gang thép, bao gồm Khu Công nghiệp Hòa Tâm và Cảng Bãi Gốc tại Khu Kinh tế Nam Phú Yên với tổng vốn đầu tư hơn 9,6 nghìn tỷ đồng. Đây là một điểm sáng mới, đáng chú ý của ngành công nghiệp luyện kim.

- Khu vực Tây Đăk Lăk: Kết quả đạt được trong thời gian qua, các nhà máy sản xuất chế biến, sản phẩm công nghiệp chủ lực đều đang hoạt động ổn định và có sự tăng trưởng, các nhà máy đã tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp chế biến có giá trị cao cho tiêu dùng và xuất khẩu. Ngoài ra, đã phát triển thêm một số sản phẩm công nghiệp mới từ các dự án đưa vào hoạt động trong giai đoạn này với dây chuyền, máy móc hiện đại, giá trị gia tăng cao có tổng mức đầu tư lớn như: sản phẩm viên nén gỗ xuất khẩu, sản phẩm trái cây sấy thăng hoa, sản phẩm sợi dệt....

Trong giai đoạn, tập trung công tác phát triển nguồn năng lượng tái tạo để tận dụng tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh; góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh về mọi mặt (tăng nguồn thu ngân sách, cộng đồng doanh nghiệp phát triển lớn mạnh; tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập

cho người dân...); góp phần thực hiện các mục tiêu môi trường bền vững và phát triển nền kinh tế xanh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 25 nhà máy thủy điện đang hoạt động phát điện với tổng công suất lắp đặt là 1.223,67 MW; 16 dự án điện mặt trời nổi lưới đang hoạt động tổng công suất 1.607,75 và 6.515 hệ thống ĐMT mái nhà với tổng công suất lắp đặt là 758,634 MWp; 02 dự án điện gió đang hoạt động với công suất 428,8 MW và 04 dự án công suất 200MW đã thi công hoàn thiện, sẵn sàng hòa lưới điện quốc gia (dự kiến đưa vào vận hành năm 2025); 01 dự án hoạt động với công suất 30 MW.

Các khu, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư, hoàn thiện, góp phần tạo điều kiện cho thu hút doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Đến nay, tỉnh có 06 KCN và 19 CCN đang hoạt động. Tỷ lệ lấp đầy tại KCN Hòa Phú (Đắk Lắk), Hòa Hiệp 2 (Phú Yên) đạt 100%; bình quân các KCN khác đạt khoảng 77,6%. Hiện có 19 Cụm công nghiệp đang hoạt động với diện tích 675,05 ha. Ngoài ra, tỉnh đang tiến hành thủ tục đầu tư và xây dựng 07 Khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng 3.357 ha; trong đó có 1 số Dự án có quy mô lớn đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư như: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Phú Xuân, Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm (giai đoạn 1), Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp công nghệ cao Phú Yên.

2.5. Phát triển mạnh thị trường thương mại và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ

Ngành dịch vụ tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng; thương mại điện tử, du lịch có bước phát triển khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 đạt 6,22%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 5 năm ước đạt 752.505 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 9,8%/năm. Đến năm 2025, quy mô gấp 1,58 lần so với năm 2020. Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và tác động tiêu cực từ dịch bệnh, xung đột các quốc gia diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến lưu chuyển hàng hóa thị trường. Tuy vậy được sự chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh, các cấp, các ngành đã kịp thời triển khai các biện pháp trong hoạt động thương mại dịch vụ, thúc đẩy phát triển lưu thông hàng hóa trên thị trường, không để hàng hóa ứ đọng, tạo cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm qua. Hàng hóa, dịch vụ đa dạng phong phú, các mặt hàng thiết yếu đảm bảo đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu người dân trên địa bàn.

Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 ước đạt 9.957 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 17,6%/năm. Đến năm 2025, quy mô xuất khẩu gấp 2,17 lần so với năm 2020. Đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa, giá các mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực như cà phê, hạt tiêu, điều tăng nóng trong giai đoạn 2021-2024. Xuất khẩu sản phẩm ong sau thời gian giảm mạnh do thuế chống bán phá giá đã có dấu hiệu tăng trưởng trở lại. Ngoài ra các mặt hàng khác như sầu riêng, macca, chuối, hạt điều, hàng rau quả, linh kiện điện tử, hải sản chế biến.....đều có sự tăng trưởng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng vượt bậc với các giai đoạn trước. Đối với thị trường xuất khẩu, các cơ hội mở cửa thị trường từ cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong các hiệp định thương mại tự do đã

đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường truyền thống như EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ, ASEAN.... đã được tận dụng một cách hiệu quả. Đồng thời, ngành công thương cũng đã xúc tiến khai thác một số thị trường mới có nhiều tiềm năng ở các khu vực như Mỹ Latin, Trung Đông, Châu Phi...

Tổng kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 ước đạt 3.417 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân 23,3%/năm. Đến năm 2025, quy mô xuất khẩu gấp 2,29 lần so với năm 2020. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất, hàng rau quả, hạt điều, phân bón... Kim ngạch nhập khẩu tăng mạnh trong giai đoạn này là do việc nhập khẩu các máy móc thiết bị lắp đặt các nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời mặt trời...

Dịch vụ du lịch phát triển khá, tăng tốc phát triển, phục hồi tích cực sau đại dịch COVID-19; kết cấu hạ tầng du lịch được quan tâm đầu tư, các cơ sở lưu trú tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng nhu cầu của du khách và yêu cầu của các Lễ hội quy mô cấp quốc gia tổ chức tại tỉnh. Công tác xúc tiến, quảng bá và liên kết hợp tác phát triển du lịch được tích cực triển khai, góp phần truyền tải hình ảnh con người, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước; tổ chức thành công nhiều Lễ hội văn hoá, hội nghị, hội thảo, sự kiện văn hoá - thể thao lớn, thu hút lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế. Lượng khách du lịch đến tỉnh trung bình hàng năm đạt khoảng 4,08 triệu lượt khách/năm, tổng thu từ du lịch khoảng 6.463 tỷ đồng/năm.

Bên cạnh đó, dịch vụ vận tải (đường bộ, đường biển) phát triển mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân. Dịch vụ bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định; hạ tầng viễn thông tiếp tục được đầu tư, phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

Ngân hàng và các tổ chức tín dụng tiếp tục có bước phát triển mạnh về mạng lưới, quy mô; huy động vốn bình quân tăng 13,79%/năm, tổng dư nợ cho vay bình quân tăng 11,68%/năm; tỷ lệ nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ cho vay, nằm trong tầm kiểm soát của các tổ chức tín dụng.

2.6. Hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân

Trong thời gian qua, tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh triển khai công tác hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tập trung hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong triển khai thủ tục đầu tư, triển khai thực hiện dự án. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với tiến trình chuyển đổi số của tỉnh; đã tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo định kỳ hàng năm (đối với tỉnh Đắk Lắk cũ) và Cuộc thi khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; phối hợp với Trường Đại học Tây Nguyên triển khai hoạt động của Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh theo Thỏa thuận hợp tác đã ký; tổ chức sự kiện Techfest Đắk Lắk năm 2024,... với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa, sự kiện đã tiếp tục tạo động lực, lan tỏa và phát triển tinh thần khởi nghiệp, tinh thần doanh nhân trong các tầng lớp Nhân dân; góp phần đẩy mạnh liên kết hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công các hoạt động hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; các Hội nghị, Hội thảo về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi và phát triển bền vững. Đồng thời, tập trung xây dựng và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn.

Trong 5 năm 2021-2025, toàn tỉnh ước có hơn 10.000 DN thành lập mới; nhiều doanh nghiệp đã chủ động đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tham gia tích cực vào việc giải quyết công ăn, việc làm, an sinh xã hội, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Mặc dù số lượng doanh nghiệp thành lập mới có tăng, song số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, giải thể vẫn còn cao. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm do thị trường quốc tế bị thu hẹp; giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng cao; khó khăn về tài chính; bên cạnh đó hầu hết DN trên địa bàn tỉnh như quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu, năng lực cạnh tranh yếu,...là những cản trở trong hoạt động của DN.

2.7. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước:

Sau sắp xếp, số lượng doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do UBND tỉnh Đắk Lắk làm đại diện chủ sở hữu là 14 doanh nghiệp (tỉnh Đắk Lắk cũ là 11 doanh nghiệp, tỉnh Phú Yên cũ 03 doanh nghiệp⁶), trong đó: có 07 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Lâm nghiệp; 02 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp; 03 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ và 02 doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích. Có 14 doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 11 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ⁷; bên cạnh đó, có 03 doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục giải thể⁸.

Triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, giai đoạn 2021 -2025, UBND tỉnh tiếp tục tập trung xử lý, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp, đổi mới các DNNN thuộc tỉnh quản lý; đồng thời tiếp tục thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày

⁶ Tỉnh Đắk Lắk (cũ) 11 doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH MTV: Cà phê Ca cao tháng 10; Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana; Xổ số kiến thiết Đắk Lắk; Quản lý công trình Thủy Lợi Đắk Lắk và Công ty TNHH MTV lâm nghiệp; Krông Bông; Ea Kar; Ea Wy; Chư Phá; M'Đrăk; Thuận Mần; Buôn Wíng
Tỉnh Phú Yên (cũ) 3 doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH MTV Thủy nông Đồng Cam; Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên; Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô.

⁷ Gồm 8 Công ty cổ phần: Cao su Đắk Lắk, Cà phê Ea Pók, Cà phê Phước An, Cà phê Thắng Lợi, Cấp nước Đắk Lắk, Đô thị và Môi trường Đắk Lắk; Môi trường Đô thị Phú Yên; Cấp thoát nước Phú Yên.
Có 06 Công ty TNHH HTV gồm: Lâm nghiệp Phước An; Lâm nghiệp Ea H'leo; Lâm nghiệp Buôn Ja Wằm; Chế biến thực phẩm và Lâm nghiệp Đắk Lắk; Cao su và Lâm nghiệp Phước Hòa - Đắk Lắk; HTV Cà phê Cư Pul.

⁸ Gồm: Công ty TNHH MTV cà phê Buôn Ma Thuột; Công ty TNHH MTV Cà phê - Ca cao Krông Ana; Công ty TNHH MTV Đay Hling.

12/01/2024 của Chính phủ đối với 03 Công ty: Lâm nghiệp Thuận Mẫn, Cà phê - Ca cao Tháng 10 và Sản xuất kinh doanh tổng hợp Krông Ana; thực hiện cổ phần hóa đối với Công ty TNHH MTV Cánh Vừng Rô theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý hoạt động của Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này và cho chủ trương để Người đại diện tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác (nếu có) theo quy định, đảm bảo thực hiện đúng quyền, trách nhiệm của cổ đông, thành viên Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định có liên quan.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước đã có chuyển biến theo hướng tích cực, góp phần đáng kể trong việc phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Một số Công ty nông nghiệp có sử dụng số lượng lao động lớn như Công ty Cao su Đắk Lắk đã chú trọng công tác tuyển dụng, giải quyết việc làm đối với người lao động là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của địa phương (chiếm 48,89% tổng số lao động trực tiếp của Công ty), góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Các doanh nghiệp thuộc ngành dịch vụ công ích hoạt động khá ổn định và đã làm tốt vai trò của mình đối với xã hội, đời sống của cán bộ công nhân viên và người lao động được đảm bảo.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý vẫn còn một số tồn tại, vướng mắc như: Hoạt động của các doanh nghiệp lĩnh vực lâm nghiệp thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng nhà nước gặp nhiều khó khăn do chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm; các công ty thiếu vốn, không có tài sản đảm bảo để huy động vốn vay trồng rừng sản xuất nhằm tạo thêm nguồn thu; lực lượng quản lý bảo vệ rừng ít, trang thiết bị phục vụ công tác thiếu thốn, đời sống của người lao động chưa được đảm bảo trong khi điều kiện làm việc hết sức khó khăn, nguy hiểm. Việc thực hiện công tác bàn giao và quyết toán vốn nhà nước của một số doanh nghiệp cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành⁹ do còn những tồn tại liên quan đến các khoản công nợ phải thu, chi phí dở dang không có hoặc chưa đầy đủ hồ sơ; tranh chấp hợp đồng khoán giữa các hộ nhận khoán với Công ty,...

2.8. Thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới

Để thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ cho phát triển kinh tế, tỉnh thường xuyên nghiên cứu các đề án, mô hình kinh tế mới đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để triển khai áp dụng trên địa bàn (như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm,...). Các

⁹ Công ty TNHH MTV Cà phê Tháng 10; Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk.

nhiệm vụ thúc đẩy phát triển kinh tế số, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo được tỉnh đặc biệt quan tâm và tập trung thực hiện.

Triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, Tỉnh đã lồng ghép các kế hoạch phát triển doanh nghiệp số vào kế hoạch chuyển đổi số chung của tỉnh; ban hành Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Đắk Lắk để từng bước thực hiện hỗ trợ đưa hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp lên các sàn thương mại điện tử nổi tiếng như amazon, voso, postmart... UBND tỉnh đã ký kết hợp tác, triển khai các nội dung chuyển đổi số, phối hợp với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn về Công nghệ thông tin như VNPT, Viettel, FPT để thực hiện thu hút, kêu gọi đầu tư, thành lập doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin; xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyển đổi số, giúp nâng cao năng lực sẵn sàng chuyển đổi số cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển kinh tế số đạt được nhiều kết quả tích cực, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phát triển rộng khắp, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến hết năm 2025 ước đạt 8% (năm 2024 đạt 7,54%).

3. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật được tập trung thực hiện và có nhiều đột phá, nhất là đã có bước đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Với tinh thần đó, tỉnh luôn xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các sở, ban, ngành, địa phương; khẩn trương sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”.

Sau hợp nhất tỉnh, công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL trong tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh được thực hiện tích cực, kịp thời để chính quyền mới đi vào hoạt động thông suốt, hiệu quả, không gián đoạn; theo đó, UBND tỉnh (mới) đã chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát các văn bản QPPL của tỉnh thuộc lĩnh vực chuyên ngành còn hiệu lực (của tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Phú Yên (trước đây)) để tham mưu áp dụng theo khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15), đồng thời, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành văn bản mới để triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh (06 nghị quyết, 17 quyết định, ngoài ra, có 11 dự thảo nghị quyết, 21 dự thảo quyết định đã được thẩm định, đang trong quá trình xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định).

Trong các văn bản QPPL của tỉnh đã chú trọng các văn bản phục vụ việc tổ chức, sắp xếp, bảo đảm cho các cơ quan, đơn vị của tỉnh hoạt động ổn định, thông

suốt; tăng cường hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; văn bản hướng dẫn công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế cho sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã hướng dẫn về quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL, xác định hình thức văn bản về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau sắp xếp tổ chức... từ đó, giải quyết những vướng mắc, bất cập khi triển khai nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

4. Tăng cường huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm khoảng 302.638 tỷ đồng, chiếm 33% GRDP theo giá hiện hành. Huy động vốn đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Tổng vốn đầu tư công trong 5 năm 2021-2025 là 61.580 tỷ đồng, tuy chiếm tỷ lệ khoảng 20% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, nhưng vốn đầu tư công đóng vai trò là nguồn vốn dẫn dắt và định hướng vốn đầu tư toàn xã hội phục vụ cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công một mặt vừa đóng góp trực tiếp vào tiêu thụ nguyên, nhiên vật liệu và hàng hóa, phát triển cơ sở hạ tầng, giảm chi phí lưu thông, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế... một mặt vừa đóng góp vào tăng trưởng kinh tế cho địa phương, mặt khác gián tiếp đưa tiền vào thị trường để kích thích cung - cầu, đồng thời tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động và cải thiện cơ sở hạ tầng, gián tiếp giúp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội mạnh hơn, nhất là sau những cú sốc về suy giảm kinh tế do đại dịch COVID-19 gây ra. Đến nay, có nhiều công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

Công tác xúc tiến đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh, cơ hội đầu tư được tích cực thực hiện và có nhiều đổi mới. Gắn kết hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và xúc tiến du lịch; tăng cường hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai đầu tư, sản xuất kinh doanh; thu hút được nhiều dự án chiến lược, tạo động lực bứt phá phát triển kinh tế - xã hội, nổi bật là các dự án thuộc lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, nhà ở, khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Giai đoạn 2021-2025, đã quyết định chủ trương đầu tư cho trên 200 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 82.924 tỷ đồng (*trong đó, Đắk Lắk: 100 dự án, tổng vốn: 47.567 tỷ đồng; Phú Yên: 101 dự án, tổng vốn 35.357 tỷ đồng*); cấp giấy chứng nhận đầu tư, chủ trương đầu tư cho 16 dự án FDI với tổng vốn đăng ký khoảng 538,31 triệu USD (*trong đó, Đắk Lắk: 15 dự án, tổng vốn: 535,6 triệu USD; Phú Yên: 01 dự án, tổng vốn 2,71 triệu USD*). Đến nay, nhiều dự án đã đi vào hoạt động, đem lại hiệu quả, đóng góp khá lớn vào nguồn thu ngân sách tỉnh, tạo nhiều việc làm cho lao động tại địa phương và chia sẻ gánh nặng về nguồn lực đầu tư với nhà nước.

Bên cạnh đó, tỉnh tiếp tục quan tâm công tác vận động và thu hút nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã thu hút được 02 dự án sử dụng vốn ODA mới với tổng mức đầu tư là 1.030,06 tỷ đồng và đang vận động đối với 05 dự án, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 12.361,141 tỷ đồng, trong đó 01 dự án đang thực hiện các thủ tục đàm phán. Đến cuối năm 2025, có 05

chương trình, dự án ODA đang thực hiện trên địa bàn, với tổng mức đầu tư 2.265.826 triệu đồng. Những dự án, công trình này đã góp phần cải thiện cơ bản và phát triển một bước cơ sở hạ tầng kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống người dân.

5. Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại

Đề tạo bước đột phá trong việc thu hút đầu tư, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương và kết nối với các trung tâm kinh tế lớn và các vùng lân cận, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn, tỉnh Đắk Lắk đã tăng cường huy động các nguồn lực và tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương để tập trung đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, đô thị, thủy lợi.

Xác định hệ thống giao thông đường bộ là nền tảng quan trọng, là xương sống của nền kinh tế - xã hội, đảm bảo sự vận chuyển hàng hóa, kết nối các vùng miền, và tạo điều kiện cho thương mại phát triển. Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, tránh ùn tắc giao thông. Đến nay, hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh nói chung và mạng lưới giao thông đường bộ địa phương nói riêng đang được đầu tư phát triển theo đúng định hướng quy hoạch và xu thế phát triển hiện đại, từng bước đồng bộ với nhiều dự án trọng điểm, với hệ thống giao thông đường bộ đối ngoại của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lưu thông, tăng khả năng liên kết, mở rộng thị trường, khai thác tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, hợp tác thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; ổn định chính trị; đảm bảo quốc phòng an ninh trong địa bàn tỉnh; nhất là phát triển hạ tầng giao thông kết nối các vùng, các khu vực, với các dự án quan trọng đã được phê duyệt chủ trương và triển khai thực hiện như: Tuyến đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Đông thành phố Buôn Ma Thuột; đường Trường Sơn Đông; tuyến đường Phước Tân – Bãi Ngà, đoạn qua nhà máy lọc dầu Vũng Rô; tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Góc, Khu kinh tế Nam Phú Yên kết nối Quốc lộ 1 đi Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa; Đường từ Khu Công nghiệp Hòa Hiệp 1 đến Bắc cầu Đà Nông (giai đoạn 2, đoạn từ Km15+910 – Km17+070); Đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh tuyến ĐT650; Cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 1, Tỉnh lộ 2, Tỉnh lộ 3, Tỉnh lộ 9, Tỉnh lộ 12, Tỉnh lộ 13,...và triển khai một số tuyến giao thông quan trọng khác như dự án Tuyến đường bộ ven biển,...

Công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, triển khai thực hiện¹⁰, phát hiện, xử lý kịp thời những vị trí có nguy cơ gây mất an toàn giao thông và những đoạn tuyến bị hư hỏng; phát hiện, xử lý kịp

¹⁰ UBND tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý, sửa chữa và bảo trì 08 tuyến Quốc lộ và 24 tuyến Tỉnh lộ và 01 đường Tuần tra biên giới với tổng chiều dài 1.470,821 km, trong đó: 08 tuyến quốc lộ (QL.1, QL.1D, QL.14C, QL.19C, QL.25, QL.26, QL.27, QL.29) dài 775,755 km; 24 tuyến đường tỉnh dài 654,049Km và tuyến đường tuần tra biên giới dài 41,017 km.

thời các hành vi vi phạm hành lang an toàn đường bộ để tuyên truyền vận động nhân dân tự tháo dỡ, chấp hành tốt pháp luật về an toàn giao thông. Cơ bản hệ thống đường giao thông đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa đảm bảo an toàn, êm thuận, kết nối thông suốt từ nông thôn đến trung tâm tỉnh.

Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa các tuyến đường địa phương cũng tăng cao đáng kể. Tại tỉnh Đắk Lắk (cũ): Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường tỉnh từ 96,01% (năm 2020) lên 97,17% (năm 2024); đường huyện từ 91,57% (năm 2020) lên 96,92% (năm 2024); đường xã, liên xã từ 64,96% (năm 2020) lên 71,96% (năm 2024); tại tỉnh Phú Yên (cũ): Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường tỉnh từ 96,47% (năm 2020) lên 97,87% (năm 2024); đường huyện từ 85,79% (năm 2020) lên 88,86% (năm 2024); đường xã, liên xã năm 2024 đạt 71,96%. Ước tính đến cuối năm 2025, tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường tỉnh đạt 98,83%; tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường xã, liên xã đạt 83,70%.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động gắn với đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

6.1. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trong thời gian qua, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh tiếp tục có chuyển biến tích cực; các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được tỉnh đặc biệt quan tâm đầu tư, bố trí kinh phí thực hiện. Giai đoạn 2021 – 2025, tổng dự toán chi cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới) là 1.329.201 triệu đồng, gồm: Chi đầu tư là 548.475 triệu đồng và chi thường xuyên là 780.726 triệu đồng. Tính riêng năm 2025, kinh phí bố trí cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương (loại trừ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu) chiếm tỷ trọng 1,3% (479.318 triệu đồng /36.940.453 triệu đồng).

Cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ tiếp tục được hoàn thiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được quan tâm đầu tư. Các nhiệm vụ KHCN của tỉnh mang tính nghiên cứu ứng dụng, tập trung giải quyết những vấn đề thực tiễn trong sản xuất, đời sống và quản lý tài nguyên. Nhiều kết quả đã được làm chủ công nghệ và chuyển giao trực tiếp vào thực tế như: giống lúa mới (PY8, PY10, GSR65, GSR90), mô hình sản xuất lúa Đài Thơm 8 theo VietGAP, công nghệ nuôi tôm hùm tuần hoàn RAS, chế biến bắp ủ chua và trái cây công nghệ cao, chế phẩm sinh học tăng năng suất cây trồng. Các nghiên cứu viễn thám – GIS xây dựng bản đồ ngập lũ, đánh giá hạn hán, cùng các sáng kiến về IoT, học máy đã nâng cao năng lực dự báo và quản lý rủi ro thiên tai. Hoạt động nghiên cứu không chỉ tăng năng suất, giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, mà còn tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập, bảo tồn tài nguyên, phát triển du lịch và phát triển thương hiệu địa phương.

Thị trường khoa học và công nghệ dần hình thành và bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Hệ thống bảo hộ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ ngày càng hoàn thiện; các hoạt động hỗ trợ xây dựng, bảo vệ thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với

các sản phẩm chủ lực của tỉnh được chú trọng. Đóng góp của khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh toàn tỉnh ngày càng tăng, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) của Phú Yên đạt khoảng 43,14%. Chuyển đổi số, trọng tâm là xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số được quan tâm đẩy mạnh. Hệ thống cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin được tập trung đầu tư. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk (Đắk Lắk IOC) hoạt động hiệu quả với nhiều nền tảng ứng dụng thiết thực được triển khai như Đắk Lắk trực tuyến, Đắk Lắk G, dịch vụ Phản ánh hiện trường, Hệ thống Giám sát an toàn thông tin... Hạ tầng cáp quang đến trung tâm xã đạt 100%; hạ tầng thông tin di động, Internet không dây 3G, 4G phủ đến 100% khu dân cư; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính.

Việc triển khai các nền tảng, ứng dụng số được quan tâm đẩy mạnh, đảm bảo phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Ngày 10/7/2025, tỉnh Đắk Lắk đã ra mắt bộ ứng dụng số phục vụ mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bao gồm các ứng dụng AI bản quyền (VNPT hỗ trợ), trợ lý ảo Viettel, Dashboard giám sát điều hành trực tuyến, triển khai Đắk Lắk số và một số ứng dụng, kết nối rộng rãi qua Zalo; xây dựng và triển khai Đề án *“Mỗi xã, phường một KOL - Đưa sản vật, cảnh sắc Đắk Lắk lên không gian số”*, mỗi đồng chí Bí thư hoặc Chủ tịch UBND xã/phường sẽ là người gần dân, người dẫn dắt, có tầm ảnh hưởng, là hình mẫu đổi mới, lan tỏa những điều giá trị (KOL), trực tiếp tham gia cầm tay chỉ việc, thực hiện chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo tại cơ sở, xây dựng kinh tế số địa phương¹¹. Qua đó, góp phần đẩy nhanh quá trình thực hiện chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

6.2. Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục

Giáo dục đào tạo tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo, giảng dạy theo đúng tinh thần chỉ đạo, định hướng tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư, bước đầu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt khoảng 61%. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, nội dung, phương pháp đào tạo có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chăm lo, ưu tiên đầu tư. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tỉnh trung bình giai đoạn 2020-2024 là 97,46%. Giáo dục nhà trường, kết hợp giáo dục gia đình và giáo dục xã hội được chú trọng. Phát động phong trào *“Bình dân học vụ số”*, các phong trào thi đua học tập, khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được quan tâm thực hiện. Số lượng học sinh đạt giải thưởng quốc gia, khu vực tăng rõ rệt. Phát triển hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện, phân hiệu đại học quy mô lớn nhất trong vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo vùng Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia.

¹¹ Đã tổ chức thực hiện thí điểm Đề án, ngày 24/8/2025, xã Ea Knuéc tổ chức phiên Livestream đầu tiên: “Nữ Bí thư Đảng ủy xã Ea Knuéc cùng bà con buôn làng bán Sầu riêng”; chương trình Livestream đã tiếp cận với 700.000 người và có 150.000 người xem trên 02 nền tảng Tiktok, Facebook.

Bên cạnh đó, triển khai Thông báo Kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới, tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn 03 trường học tại 3 xã biên giới trên địa bàn tỉnh đưa vào danh mục các trường học đầu tư xây dựng năm 2025, phối hợp chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo khởi công các dự án ngày 02/11/2025¹².

6.3. Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng, hiệu quả thị trường lao động

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế được tỉnh quan tâm chỉ đạo tích cực. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động; nhiều chương trình đào tạo nghề cho thanh niên, đặc biệt là học sinh sau tốt nghiệp Trung học cơ sở được triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Một kết quả nổi bật là việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột (cũ) theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội đó là HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 quy định chính sách ưu đãi; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Buôn Ma Thuột.

Giai đoạn 2021-2025, công tác đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động được quan tâm mở rộng về hình thức, quy mô và chất lượng đào tạo, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường. Công tác giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện. Đến cuối năm 2025, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế giảm còn 56%. Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 70%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đến hết năm 2025 ước đạt 17,7%. Trong 5 năm giải quyết việc làm cho 292.250 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025 dự kiến giảm còn 2,4%.

7. Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị

7.1. Về công tác quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, phát triển không gian kinh tế được quan tâm thực hiện. Đã khẩn trương tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Phú Yên (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh kịp thời, đúng quy định, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kiến tạo không gian phát triển mới, khơi thông nguồn lực và khai thác hiệu quả hơn tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh khác biệt của địa phương. Các loại quy hoạch như: Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh; Quy hoạch đô thị, các quy hoạch ngành nông nghiệp, công thương... được triển khai kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý, làm căn

¹² Gồm: Trường nội trú liên cấp TH-THCS Ia Lốp, Trường nội trú liên cấp TH-THCS Ia Rvê, Trường nội trú liên cấp TH-THCS Buôn Đôn.

cứ để quản lý các ngành, lĩnh vực, đóng góp vào phát triển ngành và phát triển kinh tế - xã hội. Việc điều chỉnh, tích hợp các quy hoạch ngành quốc gia vào quy hoạch tỉnh được thực hiện bài bản, phù hợp với các định hướng lớn như phát triển Khu kinh tế Nam Phú Yên, vùng động lực Buôn Ma Thuột - Ea Kar - Krông Pắc và các trục liên kết vùng Đông - Tây.

Kết quả cụ thể đối với từng tỉnh trước sắp xếp như sau:

a) Đối với tỉnh Đắk Lắk (cũ) như sau:

- Về công tác quy hoạch xây dựng: Tỷ lệ đô thị có quy hoạch chung đô thị được phê duyệt giai đoạn đến năm 2020 đạt 100% (bao gồm 16 đô thị và 02 trung tâm huyện lỵ); Giai đoạn 2021- 2025: Rà soát, điều chỉnh tổng thể cho 08 Đô thị (thị xã Buôn Hồ; thị trấn Ea Kar; Buôn Tráp; Liên Sơn; M'Drắk; Krông Năng; Đô thị Ea Na; và Phước An) và phê duyệt nhiệm vụ 05 đô thị (ĐTM huyện lỵ Buôn Đôn; ĐTM Dray Bhăng, huyện Cư Kuin; ĐTM Ea Phê, huyện Krông Pắc; Điều chỉnh QHC thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo; ĐTM Phú Xuân, huyện Krông Năng). Quy hoạch chung xây dựng xã rà soát, điều chỉnh tổng thể cho giai đoạn 2021-2035: đến tháng 6/2025 đạt khoảng 81,88% (122/149 xã đã phê duyệt đồ án điều chỉnh).

- Kết quả thực hiện chính sách về quản lý quy hoạch theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội (cụ thể hóa Kết luận số 67-KL/TW): Thực hiện Quyết định số 07/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về thí điểm phân cấp thẩm quyền phê duyệt, trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Thành phố; Thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 tại Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 24/6/2025.

- Về phát triển đô thị: Theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; Đến năm 2025, có 21 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại III; 05 đô thị loại IV và 14 đô thị loại V. Đến ngày 31/6/2025, tỉnh Đắk Lắk (trước đây) có 16 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại I; 06 đô thị loại IV; và 09 đô thị loại V. Năm 2024 – 2025, UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch điều chỉnh tổng thể cho 04 đô thị (thị xã Buôn Hồ; thị trấn: Liên Sơn, Krông Năng, và Phước An), và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị cho 05 đô thị (thị trấn Ea Drăng; và các đô thị: huyện lỵ Buôn Đôn, đô thị mới Dray Bhăng huyện Cư Kuin, đô thị mới Ea Phê huyện Krông Pắc, đô thị mới Phú Xuân huyện Krông Năng); làm cơ sở triển khai phát triển đô thị, phân loại đô thị. Đến ngày 31/6/2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 35,59%.

Thực hiện xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp sẽ ảnh hưởng, tác động đến các đề án phân loại đô thị, chương trình phát triển từng đô thị, kế hoạch lập quy hoạch xây dựng (Quy hoạch xây dựng vùng huyện, QHC đô thị, QHPK, QHCT, quy hoạch nông thôn) và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh, vì vậy, UBND tỉnh tạm dừng các nhiệm vụ liên quan công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị... tại Công văn số 1559/SXD-QHKT ngày 08/5/2025 và đã được UBND tỉnh đồng ý tại Công văn 4896/UBND-CNXD ngày 15/05/2025.

b) Đối với tỉnh Phú Yên (cũ) như sau:

- Về tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2021-2025: Đến ngày 31/6/2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt 49,52%.

- Về Chương trình phát triển đô thị: Triển khai lập Chương trình phát triển đô thị tỉnh Phú Yên giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (được UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lập Chương trình tại Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 17/4/2024). Trong nhiệm kỳ, UBND tỉnh đã phê duyệt 02 Chương trình phát triển đô thị cho đô thị mới Ea Ly, huyện Sông Hinh và An Mỹ, huyện Tuy An. Các địa phương khác trên địa bàn tỉnh cũng đang tổ chức lập, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị, làm cơ sở đầu tư phát triển đô thị, nâng loại đô thị theo Kế hoạch như: Thành phố Tuy Hòa đang triển khai lập Chương trình Phát triển đô thị thành phố Tuy Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035; thị xã Sông Cầu đang triển khai lập Chương trình phát triển đô thị thị xã Sông Cầu đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; huyện Tây Hòa đang triển khai lập Chương trình phát triển đô thị Phú Thù và Chương trình phát triển đô thị Sơn Thành Đông; huyện Đồng Xuân đang triển khai lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Xuân Phước.

- Về Đề án nâng loại đô thị: Trong nhiệm kỳ, trên địa bàn tỉnh Phú Yên đã tổ chức thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến thành lập thị trấn Tân Lập đạt tiêu chí đô thị loại V trực thuộc huyện Sông Hinh. Các đô thị khác cũng đang tổ chức lập Đề án nâng loại đô thị như: Thành phố Tuy Hòa đang triển khai lập Đề án đề nghị công nhận thành phố Tuy Hòa và khu vực phụ cận đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh Phú Yên; thị xã Sông Cầu triển khai xây dựng Đề án thành lập các phường thuộc thị xã Sông Cầu và thành lập thành phố Sông Cầu trực thuộc tỉnh Phú Yên.

Nhìn chung, công tác quản lý, kiểm soát phát triển đô thị theo Chương trình và Kế hoạch phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh và đã có nhiều chuyển biến rõ nét, từng bước được đảm bảo sự phát triển đô thị hài hòa, bền vững; công tác phân loại đô thị tiếp tục được thực hiện theo hướng tập trung, nâng cao chất lượng và tính đồng bộ của các đô thị.

7.2. Về phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển, nhất là Khu Kinh tế Nam Phú Yên: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên (trước sắp xếp) đã ban hành Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 18/8/2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 21/12/2021 để tổ chức triển khai thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đẩy mạnh thu hút đầu tư, nhất là Khu Kinh tế Nam Phú Yên để đến năm 2025 hoàn thiện nền tảng, hạ tầng kỹ thuật quan trọng của một số ngành kinh tế chủ lực, xây dựng và phát triển Khu Kinh tế Nam Phú Yên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, cảng biển quan trọng của vùng Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Kết quả đến nay, đã tích hợp toàn bộ quy hoạch ngành vào quy hoạch tỉnh, trong đó chú ý về quy hoạch các địa phương ven biển, định hướng liên kết phát triển kinh tế liên vùng, liên tỉnh; tập trung nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế biển trọng điểm; từng bước củng cố và hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hiện đại hóa các ngành kinh tế biển quan trọng, đột phá như: Ngành thủy sản, du lịch, vận tải biển, năng lượng... Cơ sở hạ tầng

giao thông, nhất là tuyến giao thông ven biển và nhiều công trình kè sông, kè biển được đầu tư xây dựng. Chú trọng phát triển du lịch biển, đẩy mạnh chuỗi sản xuất và xuất khẩu thủy sản đã nâng cao giá trị kinh tế biển. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội các địa phương vùng ven biển, vùng biển giai đoạn 2021-2025 gấp 1,4 lần so với giai đoạn trước. Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040 được phê duyệt; các hạng mục hạ tầng trong Khu Kinh tế Nam Phú Yên được ưu tiên đầu tư; thu hút đầu tư vào Khu kinh tế giai đoạn 2021-2025 khoảng 25.550 tỷ đồng, gấp 03 lần thu hút đầu tư các địa phương vùng biển, ven biển.

7.3. Về công tác liên kết, hợp tác trong và ngoài nước

Các hoạt động kinh tế đối ngoại được triển khai chủ động, tích cực, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư với nhiều đối tác mới; duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các đối tác cấp địa phương đã có các thỏa thuận ký kết với tỉnh. Việc triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới được tập trung thực hiện bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Hợp tác với các địa phương trong nước cũng được mở rộng, góp phần đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học, trao đổi thông tin, giao lưu văn hóa, xúc tiến giao thương, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các hoạt động liên kết hợp tác phát triển vùng Tây Nguyên, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo Nghị quyết số 23-NQ/TW và Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và liên kết hợp tác với các vùng lân cận được chú trọng triển khai thực hiện, tăng cường không gian kết nối, phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Các nhiệm vụ có tính chất liên vùng do Hội đồng điều phối vùng triển khai được tỉnh chú trọng và tích cực tham gia thực hiện, nhất là việc tham gia đề xuất các nội dung dự án trọng điểm, có tính liên vùng trong quy hoạch vùng.

Hai tỉnh trước sắp xếp đã chủ động triển khai hợp tác thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội nội vùng và với các tỉnh lân cận như Chương trình liên kết phát triển kinh tế - xã hội giữa các tỉnh Lâm Đồng - Khánh Hòa - Bình Thuận - Ninh Thuận - Đắk Lắk - Phú Yên; Chương trình hợp tác phát triển giữa 5 tỉnh Tây Nguyên và Khánh Hòa, Phú Yên; Hợp tác phát triển du lịch Bình Định - Phú Yên - Gia Lai - Đắk Lắk; hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh... Các hoạt động chủ yếu tập trung vào lĩnh vực du lịch, y tế và đầu tư, bước đầu mang lại hiệu quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương.

8. Phát triển văn hóa – xã hội đồng bộ, bảo đảm gắn kết, hài hòa với tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân

8.1. Về văn hóa, thể thao:

Công tác giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, lịch sử được quan tâm, định hình trong từng bước phát triển. Phong trào văn hóa, văn nghệ phát triển sâu rộng; chất lượng thông tin báo chí ngày càng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu thông tin, giải trí của Nhân dân. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa ngày càng được chú trọng, các giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại được UNESCO

ghi danh là Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên và Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam được quan tâm bảo tồn và phát huy gắn với phát triển du lịch. Tổ chức tốt nhiều lễ hội, sự kiện văn hóa, du lịch với quy mô lớn, tạo dấu ấn trong đời sống xã hội. Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng; hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phát triển tích cực; đã phê duyệt công viên địa chất Phú Yên hướng đến danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Hệ thống cơ sở vật chất, công trình cho hoạt động thể dục thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao ngày càng được Nhân dân hưởng ứng; thể thao thành tích cao có bước phát triển; đã đăng cai tổ chức thành công nhiều giải thể thao khu vực, toàn quốc, tạo điều kiện cho các vận động viên của tỉnh được thi đấu cọ sát và đạt thành tích cao tại các giải thi đấu quốc tế và khu vực.

Hệ thống các cơ quan báo chí hoạt động đúng với tôn chỉ, mục đích và quy định pháp luật; phản ánh đầy đủ và kịp thời các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đất nước, địa phương. Kịp thời thông tin phản bác các luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước, xúc phạm danh dự, uy tín của cá nhân, tổ chức, cộng đồng.

8.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và an sinh xã hội

Công tác quản lý nhà nước về y tế tiếp tục được tăng cường, chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh được nâng cao ở các tuyến. Tổ chức bộ máy, mạng lưới y tế từ tỉnh đến huyện, xã được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả; quyết liệt thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư và củng cố, 79,86% xã đạt bộ tiêu chí chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030; phát huy tốt vai trò trong phòng, chống dịch bệnh; ứng dụng thành công các kỹ thuật mới, tiên tiến, điều trị có hiệu quả một số bệnh nặng, hiểm nghèo. Các giải pháp tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế được đẩy mạnh, có chuyển biến tích cực, hình thành nhiều cơ sở y tế tư nhân với quy mô lớn và trang thiết bị hiện đại, góp phần giảm áp lực cho hệ thống y tế công lập. Đến cuối năm 2025, đạt 29,8 giường bệnh/1 vạn dân; 8,6 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%. Các chính sách thu hút, đãi ngộ, tuyển dụng, hỗ trợ đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ được quan tâm triển khai. Công tác phòng chống dịch và công tác khám chữa bệnh trong mọi tình huống được đảm bảo. Hoạt động hành nghề y, dược tư nhân được quản lý tốt hơn. Kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm được đẩy mạnh, góp phần hạn chế ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Triển khai đồng bộ các chương trình, đề án về bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được triển khai hiệu quả.

Các chính sách an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, giảm nghèo và các chính sách, giải pháp hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động và các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được quan tâm triển khai đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách, người có công với cách mạng, nạn nhân chất độc da cam được quan tâm đẩy mạnh. Đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành hỗ trợ xây mới, sửa chữa và bàn giao đưa

vào sử dụng 8.915 căn nhà, đạt 100% kế hoạch.

Công tác tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ chính sách đối với người có công được xử lý kịp thời, đúng quy định¹³. Sau hợp nhất, tỉnh Đắk Lắk (mới) quản lý hơn 128 nghìn hồ sơ đối tượng (đối tượng người có công, thân nhân người có công là hơn 94 nghìn hồ sơ và hơn 34 nghìn hồ sơ đối tượng liên quan khác). Các phong trào đền ơn đáp nghĩa đã được các ngành, các cấp quan tâm triển khai thực hiện và thu được nhiều kết quả đáng khích lệ; các chế độ chính sách được triển khai thực hiện kịp thời đầy đủ đúng chế độ quy định tạo điều kiện thuận lợi để người có công và thân nhân của họ có cuộc sống ổn định. Trong giai đoạn 2021 – 2025, toàn tỉnh đã huy động được hơn 45,3 tỷ đồng; từ nguồn quỹ huy động được đã xây mới 336 căn nhà tình nghĩa tặng cho các đối tượng chính sách có công khó khăn về nhà ở; nâng cấp sửa chữa 345 căn nhà tình nghĩa của đối tượng chính sách bị hư hỏng, xuống cấp; tặng 307 sổ tiết kiệm cho đối tượng chính sách; ngoài ra đã hỗ trợ kinh phí cho 49 người có công, thân nhân của họ gặp khó khăn trong cuộc sống (đau, ốm, bệnh tật, hỏa hoạn, thiên tai ...). Đã thực hiện điều dưỡng tập trung tại các Trung tâm Điều dưỡng Người có công đối với 2.140 người và giải quyết chế độ điều dưỡng tại nhà cho 35.445 người.

Đến nay, 49/49 Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các đơn vị nhận phụng dưỡng chăm sóc suốt đời; 100% đối tượng Người có công đều được cấp thẻ Bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh; đời sống của gia đình người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh ngày càng được nâng cao, có 98,87% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Bên cạnh đó, công tác quy tập mộ liệt sĩ cũng được tỉnh tập trung thực hiện; trong giai đoạn 2021 – 2025, toàn tỉnh đã tổ chức, khảo sát quy tập 280 hài cốt liệt sĩ hy sinh tại Campuchia và các xã, phường, mộ gia đình quản lý đưa về an táng tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn của tỉnh.

8.3. Về dân tộc, tôn giáo:

Công tác dân tộc và các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc được chú trọng thực hiện; các chính sách, chương trình, đề án, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025¹⁴ được chú trọng thực hiện, đảm bảo trọng tâm, đúng đối tượng, qua đó góp phần cải thiện đời sống người dân, tỷ lệ hộ nghèo nói chung và tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm đáng kể qua từng năm. Đến thời điểm hiện nay, tỉnh Đắk Lắk đã đạt mục tiêu giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bình

¹³ Trong giai đoạn 2021 – 2025, đã tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ ưu đãi người có công, thân nhân người có công đối với 14.434 hồ sơ đối tượng chính sách các loại. Qua kiểm tra, thẩm định và đối chiếu với các văn bản quy định đã ban hành quyết định giải quyết chế độ đối với 13.895 hồ sơ; chuyển trả các địa phương 539 hồ sơ không đủ điều kiện để bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định.

¹⁴ Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/10/2025) là 3.009.341 triệu đồng, đạt 71,3% kế hoạch (NSTW 2.760.107 triệu đồng, NST 249.234 triệu đồng), bao gồm: Vốn đầu tư phát triển: 1.986.808 triệu đồng, đạt tỷ lệ 75,2%. Ước thực hiện giải ngân đến 31/12/2025 đạt 90% kế hoạch vốn của cả giai đoạn; Vốn sự nghiệp: 1.022.533 triệu đồng, đạt 64,8% (trong đó: NSTW 948.122 triệu đồng, đạt 64,7%; NST 74.411 triệu đồng, đạt 65,3%). Ước thực hiện giải ngân đến 31/12/2025 đạt 90% kế hoạch vốn của cả giai đoạn

quân 4,2%/năm; số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 01 xã, đạt tỷ lệ 1,5%; số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 65 thôn, đạt tỷ lệ 12,4%; có 01 xã khu vực III, 04 xã khu vực II, 52 xã khu vực I đạt chuẩn nông thôn mới.

Công tác tôn giáo và chính sách tôn giáo được thực hiện theo đúng pháp luật, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Nhân dân trên địa bàn. Giải quyết kịp thời các nguyện vọng, kiến nghị hợp pháp, nhu cầu chính đáng của các tôn giáo¹⁵. Chú trọng thực hiện tốt các chế độ, chính sách, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân vùng đồng bào có đạo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các chức sắc, tín đồ thực hiện phương châm sống “tốt đời, đẹp đạo”, tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

9. Tăng cường quản lý tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng, có chuyển biến tích cực. Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 được tổ chức rà soát, điều chỉnh và phê duyệt đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Các dự án đo đạc trọng điểm đã cơ bản đạt tiến độ đề ra, với 138.353,7 ha đất nông, lâm trường đã bàn giao sản phẩm; Công tác đo đạc bản đồ địa chính và đăng ký cấp Giấy chứng nhận đã cơ bản hoàn thành cho 24/24 huyện, thị xã, thành phố (cũ); đã xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho 16/24 địa bàn cấp huyện, thị xã, thành phố cũ; đang thực hiện đối với 8 huyện, thị xã (cũ).

Hiệu lực, hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên được tăng cường. Hiện nay, toàn tỉnh Đắk Lắk có 93 Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường do UBND tỉnh cấp còn hiệu lực¹⁶. Trữ lượng và công suất khai thác hiện tại cơ bản đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho các công trình và dự án trên địa bàn tỉnh, hiện tỉnh đang triển khai các bước để tổ chức đấu giá các mỏ khoáng sản trong thời gian đến, đồng thời tập trung tháo gỡ vướng mắc khi triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, đáp ứng kịp thời nhu cầu vật liệu cho các công trình trong thời gian tới.

Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được triển khai đồng bộ, tập trung vào phòng, chống thiên tai, kiểm soát sạt lở, ngập úng ven biển, ven sông. Về tổng thể, môi trường toàn tỉnh được đảm bảo và được kiểm soát tốt. Công tác thẩm định hồ sơ môi trường, công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm hành chính về môi trường luôn được tập trung triển khai; ý thức chấp hành pháp luật về môi

¹⁵ Trong 05 năm (2021-2025), đã tham mưu UBND tỉnh giải quyết 67 hồ sơ về đổi tên, thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; Sở Dân tộc và Tôn giáo giải quyết theo thẩm quyền 341 hồ sơ về các lĩnh vực: Xây dựng, sửa chữa; phong phẩm, bổ nhiệm, thuyên chuyển...

¹⁶ Trong đó: Đã xây dựng 55 giấy phép, với tổng công suất khai thác hàng năm 3.437.620 m³/năm. Cát xây dựng: 28 giấy phép với công suất khai thác hàng năm 955.700 m³/năm. Sét sản xuất gạch: 02 giấy phép với trữ lượng được cấp phép 900.000 m³, công suất khai thác hàng năm 55.000 m³/năm. Đất san lấp: 08 mỏ với công suất khai thác đất: 2.410.000 m³/năm. Đá VLXD thông thường được cấp phép khai thác trong khu vực mỏ đất (khoáng sản đi kèm), với tổng trữ lượng được cấp phép 3.899.793 m³. Ngoài ra, UBND tỉnh đã cấp 20 bản xác nhận đăng ký khai thác để phục vụ các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, gồm tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (giai đoạn 2021-2025) và cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (giai đoạn 1).

trường của các tổ chức, cá nhân cơ bản tốt; chất lượng môi trường đất, nước, không khí cơ bản được kiểm soát tốt; cảnh quan môi trường đô thị, diện mạo nông thôn ngày càng khởi sắc, nhiều tuyến đường, khu dân cư, nơi công cộng được trồng nhiều cây xanh, tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Tuy nhiên vẫn còn một số điểm ô nhiễm môi trường cục bộ, tập trung ở các khu vực nuôi trồng thủy sản ven biển, các khu vực chăn nuôi tập trung, ...

10. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Trong thời gian qua, tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, biên chế, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; việc điều động, sắp xếp cán bộ đảm bảo đúng quy trình và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ; công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời. Công tác xây dựng chính quyền, quản lý địa giới hành chính và công tác thanh niên được thực hiện theo đúng quy định.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính là kết quả nổi bật và là nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong giai đoạn, đặc biệt là năm 2024-2025. Giai đoạn 2021-2024 (trước hợp nhất): Cả hai tỉnh đã quyết liệt rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy. Tỉnh Đắk Lắk (cũ) tính đến năm 2024 đã giảm 141 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015. Tỉnh Phú Yên (cũ) cũng tích cực sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp. Về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã, tỉnh Đắk Lắk (cũ) đã thực hiện sáp nhập thôn, buôn (đợt 2, đợt 3); tỉnh Phú Yên (cũ) hoàn thành sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025, giảm 72 ĐVHC cấp xã (tỷ lệ 67,92%). Sau hợp nhất (năm 2025), tỉnh Đắk Lắk đã hoàn thành việc hợp nhất 26 cơ quan chuyên môn (Sở) của hai tỉnh cũ để thành lập 13 Sở thuộc UBND tỉnh mới. Qua đó, đã giảm 81/189 đầu mối tổ chức bên trong các Sở, đạt tỷ lệ giảm 42,87%. Đồng thời, thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp, đã kết thúc hoạt động của 240 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (cũ). Công tác quản lý và tinh giản biên chế được tập trung thực hiện nghiêm túc theo đúng chủ trương của Trung ương về tinh giản biên chế (tinh giản) tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, với mục tiêu giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2015.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, nhìn chung các địa phương đã nhanh chóng bắt nhịp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đã ban hành các văn bản thành lập các đơn vị thuộc HĐND, UBND xã, phường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc HĐND, UBND xã; ban hành các quyết định bổ nhiệm các chức danh theo quy định, bố trí đủ công chức, viên chức tại các phòng, ban và Trung tâm phục vụ hành chính công của xã, phường để kiện toàn tổ chức, bộ máy, giúp bộ máy của chính quyền địa phương xã, phường đi vào hoạt động ổn định; tập trung đảm bảo các điều kiện về trụ sở, cơ sở hạ tầng và các điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ. Chính quyền địa phương mới đã tổ chức thực hiện, triển khai và đảm bảo thi hành pháp luật, quyết định các vấn đề của chính quyền cấp xã; thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được chính quyền địa phương cấp tỉnh phân cấp,

ủy quyền, triển khai các nội dung về tài chính theo phân cấp, ban hành kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương; đồng thời chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tham mưu ban hành kế hoạch thuộc từng lĩnh vực chuyên môn để triển khai thực hiện tại địa phương; đẩy mạnh chuyển đổi số, giải quyết văn bản trên môi trường mạng, chủ động rà soát thủ tục hành chính để cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, nâng cao chất lượng phục vụ và tạo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp đến giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương và tập trung giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện trong thời gian qua. Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã khá thông suốt, hiệu quả, bám sát các quy định của pháp luật và hướng dẫn của các bộ, ngành ở Trung ương, của UBND tỉnh và các sở, ngành của tỉnh; các cơ quan, đơn vị đã phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả trong công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đề ra.

Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh luôn được tập trung chỉ đạo quyết liệt, bám sát các mục tiêu tại Kế hoạch số 11665/KH-UBND (Đắk Lắk cũ) và Chương trình số 06/CTr-UBND (Phú Yên cũ), cũng như Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021- 2025 làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Công tác chỉ đạo, điều hành được triển khai đồng bộ, thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Công tác tuyên truyền thực hiện đa dạng, phong phú qua nhiều kênh, bao gồm chương trình “Dân hỏi - Thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước trả lời”, Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu CCHC, góp phần nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân, doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra CCHC được tăng cường, đổi mới.

Đặc biệt, sau khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã kịp thời tổ chức các đoàn khảo sát thực tế, nắm bắt khó khăn tại cơ sở, bảo đảm hoạt động hành chính không bị gián đoạn. Chỉ số CCHC của tỉnh (sau sáp nhập) từ năm 2021 – 2024 đã có những cải thiện tích cực. Theo thống kê trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp tính đến ngày 23/10/2025 đạt 87,22 điểm, xếp vị thứ 18/34 tỉnh, thành phố, đạt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 91,76%. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC được thực hiện tốt, duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn trên 98%.

12. Tình hình đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược, đề án, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, đặc biệt là Đề án tiếp tục sắp xếp tổ chức quân sự địa phương “tinh, gọn, mạnh”. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và nền biên phòng toàn dân tiếp tục được củng cố vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức và chỉ đạo diễn tập ở các cấp hoàn thành tốt trở lên. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có số lượng

hợp lý và chú trọng chất lượng chính trị, tổ chức tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, góp phần ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn duy trì phát triển. Tỉnh Đắk Lắk (cũ) có 10/14 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội đạt và vượt Nghị quyết đề ra; tỉnh Phú Yên (cũ) có 10/13 chỉ tiêu đạt và vượt Nghị quyết đề ra. Tăng trưởng kinh tế khá và đạt được kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng định hướng (giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ). Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được chú trọng, đảm bảo tính thống nhất. Phát triển kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị được ưu tiên đầu tư, bước đầu đã đạt được kết quả; đầu tư phát triển tăng khá trong bối cảnh thắt chặt đầu tư công. Doanh nghiệp có bước phát triển về quy mô, tăng cả về số lượng và vốn đăng ký.

Sản xuất nông nghiệp có mức tăng trưởng khá, tiếp tục đóng vai trò trụ đỡ để phát triển kinh tế trong bối cảnh bị ảnh hưởng dịch COVID-19. Sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh từng bước vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ của giai đoạn 2016-2020 và cao hơn mức tăng trưởng chung của cả nước. Thu NSNN hàng năm tuy chưa đạt yêu cầu đề ra nhưng có mức đạt khá; huy động vốn đầu tư vào nền kinh tế cơ bản đáp ứng nhu cầu đầu tư, phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế; kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu về thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Các chế độ, chính sách hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, giảm nghèo, người có công được triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả; an sinh xã hội được đảm bảo; chất lượng giáo dục, y tế và đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân được nâng lên. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế tiếp tục khởi sắc và phát triển, hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng trên một số lĩnh vực. Cải cách hành chính được chú trọng; hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo điều hành của bộ máy chính quyền các cấp được nâng lên rõ rệt; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo; quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, giữ vững.

2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, phát triển kinh tế - xã hội chưa thật bền vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng phát triển; tái cơ cấu kinh tế chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu, định hướng. Thu ngân sách Nhà nước chưa đạt mục tiêu đề ra, cơ cấu nguồn thu thiếu ổn định và chưa thực sự vững chắc. Cơ cấu lại nông nghiệp chưa tạo được sự đột phá trong sản xuất, chưa đạt được nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững như mục tiêu đề ra. Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng chưa đạt kỳ vọng, còn thiếu tính ổn định. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường chưa đạt kế hoạch đề ra; mạng

lưới giao thông còn nhiều hạn chế, phát triển đô thị và quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản, đất đai, môi trường còn bất cập; Thương mại - dịch vụ phát triển và có mức tăng trưởng khá, nhưng đóng góp vào cơ cấu kinh tế còn thiếu ổn định. Quy mô, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn, doanh nghiệp lớn. Năng lực cạnh tranh của ngành du lịch chưa cao, chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến không đáp ứng được tiến độ thi công, nhiều dự án phải điều chỉnh thời gian thực hiện dự án. Đa số các quỹ đất quy hoạch phát triển nhà ở xã hội chủ yếu là đất chưa bồi thường, giải phóng mặt bằng, chưa được đấu nối hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, vì vậy chưa thực hiện kịp thời GPMB để tạo các quỹ đất sạch, thuận lợi để thu hút đầu tư, chưa đầu tư xây dựng nhà ở xã hội từ vốn ngân sách nhà nước để cho thuê. Đồng thời, các khu đất sạch, thuận lợi, có thể thực hiện dự án ngay đều đã được quy hoạch bố trí đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện nhà ở thương mại, khu thương mại dịch vụ phục vụ thu ngân sách nhà nước.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tình trạng địa giới hành chính của xã không phù hợp với phân loại đô thị. Đến nay chưa có hành lang pháp lý, hướng dẫn cụ thể của các Bộ, Chính phủ, để xác định Khung tiêu chí mới trong phân loại đô thị (về chức năng, vai trò, vị trí, quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị), dẫn tới, các địa phương gặp lúng túng trong công tác triển khai thực hiện.

Hệ thống đường tỉnh chưa được đầu tư cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh, đồng bộ. Hiện nay đường Tỉnh lộ ĐT.693 (Tỉnh lộ 13) vẫn còn khoảng 14km đường đất chưa được nhựa hóa, bê tông hóa. Một số quốc lộ, tỉnh lộ là những tuyến đường giao thông huyết mạch của tỉnh, nhưng hiện đang bị xuống cấp, quy mô đầu tư giao thông trước đây không còn phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải hiện nay cả về lưu lượng xe và khả năng chịu tải trọng; nhiều tuyến đường xã, đường giao thông nông thôn đi lại gặp khó khăn, nhất là trong mùa mưa lũ.

Khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số vẫn còn khoảng cách xa so với mục tiêu đề ra. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư chưa thực sự hiệu quả; tiến độ triển khai các dự án ngoài ngân sách còn chậm. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ một số dự án quan trọng và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác còn chồng chéo, thiếu đồng bộ. Tình trạng vi phạm pháp luật về đất đai, khoáng sản còn diễn ra, một số trường hợp chưa được phát hiện xử lý kịp thời, dứt điểm.

Lĩnh vực, giáo dục - đào tạo chưa thật sự quan tâm, đầu tư xứng tầm để thực hiện định hướng xây dựng và phát triển con người Đắk Lắk toàn diện, bản sắc. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học chưa theo kịp yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn. Chuyển dịch cơ cấu lao động còn chậm; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Nhân lực y tế của tỉnh vẫn còn thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế còn thiếu,

chưa đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hiệu quả nhằm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa. Các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cấp xã còn nhiều hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ. Tỷ lệ hộ nghèo, đặc biệt là tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

III. NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

1. Nguyên nhân của các kết quả đạt được

Nhờ có các chính sách hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn của Trung ương đối với các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp và nỗ lực rà soát, loại bỏ thủ tục, điều kiện kinh doanh bất hợp lý; đồng thời, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, sự phối hợp có hiệu quả của các Bộ, ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế trên địa bàn. Các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các thành phần kinh tế và nhân dân các dân tộc đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 để vươn lên trong phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đảm bảo đời sống, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững ổn định về chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, mạnh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu ngày càng tăng, thiên tai, bão lũ; cuộc xung đột Nga-Ucraina kéo dài, kinh tế toàn cầu tăng trưởng thấp, lạm phát tăng cao, thương mại và đầu tư toàn cầu suy giảm, sự thay đổi chính sách của các quốc gia... Niềm tin vào thị trường của nhà đầu tư, doanh nghiệp suy giảm, tâm lý xã hội thiếu ổn định.

- Về mặt thể chế, một số văn bản pháp luật lĩnh vực tài nguyên môi trường có sự thay đổi, văn bản hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Bộ, ngành còn chậm ban hành, đã gây lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện và khó khăn trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư. Bên cạnh đó, hiện nay, tỉnh còn quỹ đất từ các nông lâm trường chuyển giao về cho các địa phương quản lý, là điều kiện thu hút các dự án phát triển nông lâm nghiệp, tuy nhiên việc triển khai các thủ tục liên quan còn phức tạp, kéo dài đã ảnh hưởng đến kết quả thu hút đầu tư, huy động vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Việc thu hút nguồn lực cho đầu tư hạ tầng công nghiệp, thương mại cũng gặp khó khăn và chưa được triển khai theo đúng kế hoạch. Nguồn vốn đầu tư công của tỉnh còn nhiều khó khăn, phụ thuộc nhiều vào Trung ương trong khi nhu cầu đầu tư của địa phương lại quá lớn nên chưa thể đáp ứng yêu cầu đề ra. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, phần lớn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất nhưng việc thu tiền sử dụng đất còn chậm nên thiếu vốn để thực hiện giải ngân cho các dự án. Một số chủ đầu tư chưa thực sự chủ động kiểm tra, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện; Công tác phối hợp còn chưa thật sự tích cực. Công tác chuẩn

bị đầu tư chưa tốt, kéo dài, thiếu chủ động; thực tế triển khai các dự án phát sinh nhiều vướng mắc, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, hầu hết các dự án Giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị trong quá trình triển khai đều vướng công tác đền bù GPMB do chưa chủ động được khu tái định cư.

- Các ngành hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng khá nghiêm trọng, cụ thể: chuỗi cung ứng bị gián đoạn; một số đơn hàng giảm mạnh; chi phí sản xuất tăng cao; đặc biệt chịu ảnh hưởng trực tiếp là các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, du lịch, dịch vụ giao thông vận tải, một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như vận tải kho bãi, lưu trú, ăn uống, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, du lịch giảm mạnh. Doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, giải thể tăng cao; việc thực hiện chính sách chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp chưa đạt kết quả như mong đợi do một số cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong áp dụng pháp luật và nguồn kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ DN của địa phương còn hạn chế,... đã làm cho các tổ chức, cá nhân thiếu động lực để đăng ký thành lập doanh nghiệp mới.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn còn khó khăn do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp đã tác động rất lớn đến mọi mặt của đời sống, KTXH, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tất cả các ngành kinh tế, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển hàng hóa, làm trì trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Bên cạnh đó, có một số dự án lớn có thu tiền sử dụng đất thực hiện các thủ tục đấu giá, đấu thầu cần rất nhiều thời gian; các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; hạ tầng kỹ thuật tại một số dự án khu dân cư chưa được hoàn thiện nên chưa đủ điều kiện tổ chức đấu giá; giá khởi điểm tại các dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật còn cao, thị trường bất động sản còn trầm lắng nên chưa thu hút được người mua, tham gia đấu giá.

- Tình trạng đồng bào trong tỉnh di cư nội vùng, đồng bào dân tộc thiểu số di cư tự do đến địa bàn tỉnh chưa được kiểm soát chặt chẽ đã tạo ra áp lực, khó khăn rất lớn cho việc quản lý, bảo vệ rừng, quản lý, bảo vệ đất đai. Cơ chế chính sách đặt hàng bảo vệ rừng tự nhiên theo Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ chính trị chưa ban hành cụ thể; nguồn vốn đầu tư của Trung ương cho các chương trình quản lý, bảo vệ, phát triển rừng bền vững, khôi phục rừng tự nhiên còn rất thấp so với nhu cầu thực tế của tỉnh.

2.2. Nguyên nhân chủ quan: Việc nắm bắt và dự báo tình hình chưa sát; việc xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025 còn cao so với tình hình thực tế do xây dựng tại thời điểm chưa có dịch COVID-19 xảy ra; phản ứng chính sách của một số cơ quan, địa phương còn chậm, chưa kịp thời, chưa tận dụng hết các cơ hội phục hồi và phát triển từ bên trong và bên ngoài. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở một số cấp, một số ngành, địa phương có lúc chưa chủ động; năng lực chỉ đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo ở một số cơ quan, đơn vị chưa tập trung đúng mức cho việc chỉ đạo các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, chưa tập trung mạnh mẽ vào những khâu quan trọng có tính quyết định. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc pháp lý, nhất là những vấn đề phát sinh mới trong một số trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; có lúc, có nơi còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại,

ngại khó. Công tác phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi chưa đồng bộ, chặt chẽ. Một số thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, phức tạp. Tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm, sợ sai trong một số trường hợp chưa được khắc phục hiệu quả. Việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách chưa được cụ thể hóa kịp thời.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(1) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất, tuyệt đối và trực tiếp của Đảng trên tất cả các lĩnh vực; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc nêu gương cả trong nhận thức và hành động. Đặc biệt coi trọng việc giữ gìn, phát huy đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, tạo sự đồng thuận trong cả hệ thống chính trị và trong Nhân dân.

(2) Mọi chủ trương, chính sách đều phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân. Tăng cường đối thoại giữa chính quyền với Nhân dân để kịp thời nắm bắt, giải quyết các kiến nghị chính đáng của Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Kiên quyết thực hiện phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ và hiệu quả công việc.

(3) Tranh thủ tối đa sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương; sự phối hợp, hỗ trợ của các tỉnh bạn. Làm tốt công tác đối ngoại, hội nhập, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài, góp phần vượt qua khó khăn, thách thức, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân trong khu vực phòng thủ, đấu tranh làm thất bại âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

(5) Nâng cao tinh thần đoàn kết, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chủ động tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên, nâng cao trình độ, năng lực tổ chức chỉ huy điều hành của đội ngũ cán bộ, đó là vấn đề then chốt quyết định thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội.

(6) Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát, bám sát thực tiễn và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng. Kiên quyết khắc phục những hạn chế, yếu kém, xác định trách nhiệm cụ thể và có giải pháp phù hợp, hiệu quả. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, gần dân, sát dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, coi đây là nhân tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của địa phương.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH.10b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Công Thái